

THƯ MỜI KHẢO SÁT BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà cung cấp quan tâm

Công ty cổ phần Than-Điện Nông Sơn - TKV đang có nhu cầu tìm hiểu và khảo sát giá của một số vật tư, hàng hóa nhằm phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian tới. Công ty cổ phần Than-Điện Nông Sơn - TKV kính mời Các nhà cung cấp quan tâm tham gia khảo sát và báo giá vật tư, hàng hóa, với nội dung như sau:

1. Yêu cầu về vật tư, hàng hóa.

1. Thông tin về vật tư, hàng hóa cần mua:

- Tên đơn hàng: Mua sắm vật tư xử lý sự cố HT quan trắc tự động khí thải NMNĐ Nông Sơn.

- Chi tiết đơn hàng: *Phụ lục kèm theo*

- Yêu cầu về vật tư, hàng hóa:

+ Các vật tư, hàng hóa mới 100% , chưa qua sử dụng, có nguồn gốc xuất xứ, có các mã, thông số kỹ thuật rõ ràng, đầy đủ.

+ Có tài liệu kỹ thuật, catalogue của nhà sản xuất. Nhà cung cấp đính kèm cùng báo giá các hồ sơ, giấy tờ, bản vẽ, số liệu được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về thông số kỹ thuật của vật tư, hàng hóa để chứng minh vật tư, hàng hóa đề xuất đáp ứng được yêu cầu về kỹ thuật.

+ Đối với vật tư, hàng hóa mà nhà cung cấp báo giá là loại tương đương hoặc tốt hơn thì phải kèm theo tài liệu chứng minh tương đương hoặc tốt hơn loại vật tư, hàng hóa mà Công ty cổ phần Than-Điện Nông Sơn - TKV yêu cầu và lập bảng so sánh chi tiết về thông số kỹ thuật, thời hạn sử dụng.

2. Các yêu cầu về năng lực của nhà cung cấp

- Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy phép kinh doanh đối với mặt hàng kinh doanh có điều kiện (nếu có) (Bản sao công chứng hoặc bản sao có đóng dấu đỏ của doanh nghiệp).

- Trước khi gửi bản chào giá, Nhà cung cấp có thể tham gia khảo sát kích thước, thông số kỹ thuật vật tư, hàng hóa thực tế tại Công ty cổ phần Than-Điện Nông Sơn - TKV nhằm đảm bảo vật tư, hàng hóa cung cấp phù hợp và đồng bộ với vật tư, hàng hóa có sẵn của nhà máy.

3. Các yêu cầu về thương mại:

- Bản báo giá phải ghi rõ tên vật tư, hàng hóa, quy cách, mã hiệu, đơn vị tính, số lượng, đơn giá của từng vật tư, hàng hóa, tổng giá trị đơn hàng đã có thuế GTGT.



- Địa điểm giao hàng: Tại kho Vật tư Công ty cổ phần Than-Điện Nông Sơn – TKV, địa chỉ: Thôn Nông Sơn, Xã Nông Sơn, TP. Đà Nẵng
- Thời gian giao hàng: Nhà cung cấp đề xuất thời gian giao hàng.
- Thời gian bảo hành: theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
- Hiệu lực của bản chào giá ≥ 30 ngày kể từ ngày hết hạn nhận hồ sơ chào giá.
- NCC có thể báo giá cho toàn bộ hoặc báo giá cho một phần vật tư, hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp tùy thuộc vào khả năng thực tế của mình.
- Vật tư, hàng hóa được chào phải thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ và nguồn gốc hợp pháp.

4. Hình thức báo giá:

1. Hình thức chào giá:

- Bản chào giá và biểu giá phải do đại diện hợp pháp của NCC ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của NCC kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương

Bản báo giá và các tài liệu kèm theo phải được gửi trong phong bì dán kín, có niêm phong và gửi trực tiếp về địa chỉ:

+ Văn thư công ty hoặc Phòng Kế hoạch - Đầu tư - Vật tư, Công ty cổ phần Than-Điện Nông Sơn – TKV, địa chỉ: Thôn Trung Thượng, Xã Nông Sơn, TP. Đà Nẵng ; Điện thoại: 02363. 656 900 (Ghi chú: Hồ sơ chào giá nộp trực tiếp – người đến nộp phải mang theo Giấy giới thiệu và bản sao CMND hoặc CCCD còn giá trị)

+ Hoặc Nhà cung cấp có thể gửi báo giá và tài liệu về địa chỉ email: Nongson@vinacominpowers.vn và phongkhongson@gmail.com (Ghi chú: Đối với các đơn vị gửi báo giá qua email vẫn phải hoàn thiện gửi bản báo giá gốc cho bên mời chào giá qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp theo địa chỉ nêu trên)

2. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: Hồ sơ chào giá phải được gửi đến Công ty cổ phần Than-Điện Nông Sơn – TKV, địa chỉ: Thôn Trung Thượng, Xã Nông Sơn, TP. Đà Nẵng , trước 09 giờ 00 phút, ngày 23 tháng 10 năm 2026 (trong giờ làm việc hành chính).

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của các Nhà cung cấp!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, KĐV, Kha(3) 

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

 

Nguyễn Văn Thống



PHỤ LỤC YÊU CẦU CHI TIẾT VỀ CÁC VẬT TƯ, HÀNG HÓA
(Kèm theo văn bản số: ...24.88.../V.NSCP-KĐV ngày 14 tháng 10 năm 2026)

STT	Tên hàng hoá	Quy cách, thông số	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Thiết bị phân tích khí CO, SO2, NOx, O2	- Sử dụng phương pháp đo trích mẫu gián tiếp (Extractive) - Sử dụng công nghệ trích mẫu lạnh khô (Cold-Dry) hoặc công nghệ trích mẫu nóng ẩm (Hot-Wet). - Sử dụng công nghệ đo phân tích các thành phần khí theo nguyên lý quang phổ hấp thụ hoặc nguyên lý điện hóa (công nghệ đo phân tích các thành phần khí phải đồng bộ với công nghệ trích mẫu). - Cấp bảo vệ: ≥IP54 - Thiết bị đo các chỉ tiêu khí CO, SO2, NOx, O2 phải đáp ứng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật tại Bảng 5 Khoản 1 Điều 37 Thông tư 10/2021/TT-BTNMT: + Đối với thông số CO: - Dải đo: 0 - 3000 mg/m3 (Có thể tùy chỉnh theo yêu cầu) - Đơn vị đo: mg/m3, ppm - Độ chính xác: % giá trị đọc tối thiểu: ± 5% % khoảng đo tối thiểu: ± 5% - Độ phân giải tối thiểu: 1 mg/m3, 1 ppm - Thời gian đáp ứng tối thiểu: ≤ 200 giây + Đối với thông số SO2: - Dải đo: 0-1500 mg/m3(Có thể tùy chỉnh theo yêu cầu) - Đơn vị đo: mg/m3, ppm	Bộ	1	

STT	Tên hàng hoá	Quy cách, thông số	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
		Độ chính xác % giá trị đọc tối thiểu: $\pm 5\%$ % khoảng đo tối thiểu: $\pm 5\%$ Độ phân giải tối thiểu: 1 mg/m³, 1 ppm Thời gian đáp ứng tối thiểu: ≤ 200 giây + Đối với thông số NOx: Dải đo: 0-3000 mg/m³(Có thể tùy chỉnh theo yêu cầu) Đơn vị đo: mg/m³, ppm Độ chính xác % giá trị đọc tối thiểu: $\pm 5\%$ % khoảng đo tối thiểu: $\pm 5\%$ Độ phân giải tối thiểu: 1 mg/m³, 1 ppm Thời gian đáp ứng tối thiểu: ≤ 200 giây + Đối với thông số O₂: Dải đo: 0-25%(Có thể tùy chỉnh theo yêu cầu) Đơn vị đo: %V Độ chính xác % giá trị đọc tối thiểu: $\pm 0,5\%$ % khoảng đo tối thiểu: $\pm 0,5\%$ Độ phân giải tối thiểu: 0,1%V Thời gian đáp ứng tối thiểu: ≤ 200 giây - Tín hiệu đầu ra của thiết bị đo: 4-20mA/ truyền thông Modbus, profibus - Số kênh Analog/digital output:			

STT	Tên hàng hoá	Quy cách, thông số	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
		+ Tối thiểu 4x Analog output cho các chỉ tiêu CO, SO₂, NO_x, O₂ + Tối thiểu 4x Digital output cho các chỉ tiêu CO, SO₂, NO_x, O₂ - Đầu ra số cho các tín hiệu trạng thái: + “Lỗi hệ thống” + “Yêu cầu bảo dưỡng” + “Chế độ phân tích / bảo dưỡng / hiệu chuẩn” (maintenance/measuring/calibration) - Tín hiệu các trạng thái được tạo ra trong quá trình giám sát tự động - Nguồn cấp điện: 100-240VAC, 50-60Hz - Thiết bị quan trắc thông qua việc trích hút mẫu (Extractive) thì hệ thống phải đáp ứng yêu cầu: + Hệ thống trích mẫu phải đồng bộ với tủ phân tích khí. + Thân đầu trích mẫu: làm bằng vật liệu chống ăn mòn (nhôm phủ epoxy hoặc thép không gỉ) + Ống hút mẫu (probe): làm bằng vật liệu thép không gỉ, được đặt vuông góc với thành ống khói + Ống hút mẫu có độ dài 01 m hoặc bằng 30% đường kính trong của ống khói + Ống dẫn mẫu từ vị trí lỗ quan trắc tới thiết bị quan trắc không bị co thắt, giãn nở hoặc không bị gấp khúc một góc nhỏ hơn 90 độ, độ dài ống 50m + Dòng khí thải đi qua ống dẫn mẫu phải được làm nóng để loại hết hơi ẩm trước khi đi vào thiết bị đo và phân tích.			

STT	Tên hàng hoá	Quy cách, thông số	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
		- Thiết bị đo có khả năng lưu giữ và kết xuất tự động kết quả quan trắc và thông tin trạng thái của thiết bị đo, tối thiểu bao gồm các trạng thái: đang đo, hiệu chuẩn và báo lỗi thiết bị - Thiết bị đo các chỉ tiêu khí CO, SO₂, NO_x, O₂ đạt chứng chỉ TUV hoặc MCERT hoặc US.EPA. (Trong đó có chứng nhận cho dải đo của thiết bị đáp ứng được dải đo yêu cầu tối thiểu cho từng thông số). - Hệ thống phân tích khí đa chỉ tiêu phải bao gồm trọn bộ các thiết bị bao gồm hệ thống trích hút mẫu, ống dẫn mẫu, hệ thống xử lý mẫu..., thiết bị đo phân tích mẫu, tủ phân tích...) để phân tích tối thiểu 04 chỉ tiêu CO, SO₂, NO_x, O₂ gửi về bộ Datalogger - Thiết bị đáp ứng Thông tư 10/2021/TT-BTNMT và các quy định hiện hành khác - Mã hiệu/Hãng sản xuất: GCEM40E /Codel hoặc tương đương			
2	Thiết bị đo độ bụi	- Mã hiệu: DCEM2100 - Hãng sản xuất: Codel - Phương pháp đo: Đo trực tiếp - Dải đo bụi: 0 - 600 mg/m³ - Đơn vị đo: mg/m³ - Độ chính xác: % giá trị đọc tối thiểu: ± 10% hoặc % khoảng đo tối thiểu: ± 5% - Độ phân giải: 0.1mg/m³ - Thời gian đáp ứng tối thiểu: ≤ 60 giây - Tín hiệu đầu ra: 4-20mA/RS485 - Cấp bảo vệ: IP65	Bộ	1	

STT	Tên hàng hoá	Quy cách, thông số	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
		- Màn hình hiển thị LCD hiển thị thông số đo trực tiếp trên thiết bị - Làm sạch bằng khí nén - Chứng chỉ: TUV hoặc MCERT hoặc US.EPA. - Mã hiệu/Hãng sản xuất: DCEM2100/Codel hoặc tương đương			
3	Thiết bị đo lưu lượng	- Phương pháp đo: Đo trực tiếp - Dải đo lưu lượng: 0-1.144.700 m³/h (0 - 20m/s) - Độ chính xác: % giá trị đọc tối thiểu: ± 10% hoặc % khoảng đo tối thiểu: ± 5% - Thời gian đáp ứng tối thiểu: ≤ 60 giây - Tín hiệu đầu ra: 4-20mA/RS485 - Cấp bảo vệ: IP65 - Màn hình hiển thị LCD hiển thị thông số đo trực tiếp trên thiết bị - Làm sạch bằng khí nén - Chứng chỉ: TUV hoặc MCERT hoặc US.EPA. - Mã hiệu/hãng sản xuất: VCEM5100/Codel hoặc tương đương	Bộ	1	
4	Thiết bị đo áp suất, nhiệt độ	- Đo nhiệt độ, mã hiệu: iTHERM ModuLine TM121 hoặc tương đương - Đo chênh áp: mã hiệu PMC21/ Endress+Hauser hoặc tương đương - Phương pháp đo: Đo trực tiếp - Dải đo áp suất: -5 đến +5 kPa - Dải đo nhiệt độ: 0-400oC - Độ chính xác: % giá trị đọc tối thiểu: ± 10% hoặc % khoảng đo tối thiểu: ± 5% - Thời gian đáp ứng tối thiểu: ≤ 60 giây - Tín hiệu đầu ra: 4-20mA/RS485	Bộ	1	

STT	Tên hàng hoá	Quy cách, thông số	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
		- Cấp bảo vệ: IP65 - Màn hình hiển thị LCD hiển thị thông số đo trực tiếp trên thiết bị - Làm sạch bằng khí nén - Chứng chỉ: TUV hoặc MCERT hoặc US.EPA. - Mã hiệu/hãng sản xuất: iTHERM hoặc tương đương			